

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022 /HNGĐ-ST
Ngày 31/03/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Lỗi và bà Hoàng Thị Tám

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hanh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2021/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Kh; Địa chỉ: Thôn Đ T, xã Đ D, huyện Đ S, tỉnh Đắc Nông – Có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Bà Phạm Thị H; Địa chỉ: Thôn Đ T, xã Đ D, huyện Đ S, tỉnh Đắc Nông – Có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:*

Tôi và bà Phạm Thị H đến chung sống với nhau vào năm 1988 khi đến chúng sống với nhau chúng tôi hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc chúng tôi và chúng tôi không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong khoảng thời gian chung sống với nhau thì thời gian đầu hai vợ chồng hạnh phúc nhưng từ năm 2015 trở lại đây thì tình cảm vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi vã nhau thường xuyên, bất đồng quan điểm sống và chúng tôi đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa tôi và bà H

Về con chung: Đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết;

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết
 Về án phí ly hôn sơ thẩm: Tôi xin chịu theo quy định;

** Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:* Tôi và ông Phạm Văn Kh đến chung sống với nhau vào năm 1988 khi đến chúng sống với nhau chúng tôi hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc chúng tôi và không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong khoảng thời gian chung sống với nhau thì có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau thường xuyên, bất đồng quan điểm sống và đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Hiện ông Kh đã làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa tôi và ông Kh; tôi hoàn toàn đồng ý theo nội dung đơn của ông Kh.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết;

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí ly hôn sơ thẩm: ông Kh xin chịu nên không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Thẩm phán thiết lập hồ sơ đúng trình tự theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Kh.

Không công nhận ông Phạm Văn Kh và bà Phạm Thị H là vợ chồng.

Về án phí: ông Phạm Văn Kh chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp và thủ tục tố tụng:*

Căn cứ vào đơn khởi kiện Tòa án đã triệu tập các đương sự trong vụ án lên Tòa án giải quyết tòa án đã tiến hành lấy lời khai, đã tiến hành xác minh, giao các văn bản tố tụng, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự nguyên đơn vẫn

giữ nguyên yêu cầu nên Toà án ban hành quyết định đưa ra xét xử theo đúng thủ tục tố tụng;

Bị đơn bà Phạm Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú Địa chỉ: Thôn Đ T, xã Đ D, huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

* Về nội dung tranh chấp và quan hệ pháp luật: ông Phạm Văn Kh và bà Phạm Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông Kh và bà H có hai con chung là chị Phạm Thị Thu Tr, sinh năm 1990 và anh Phạm Xuân H, sinh năm 1997. Nhưng do quá trình chung sống không hòa hợp, nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã và không thể hàn gắn nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay ông Kh cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng

Nhận định của Hội đồng xét xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Văn Kh và bà Phạm Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và không đăng ký kết hôn. Tại khoản 7 Điều 3 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “ Chung sống như vợ chồng là việc nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng”.

Theo quy định tại khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định về việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của luật này được thực hiện như sau:

b) Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”

Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và ly thân. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Hai bên đã cố gắng hòa giải, hàn gắn hôn nhân nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông Kh và bà H đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Điều này cho thấy mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 không công nhận ông Kh và bà H là vợ chồng.

Theo khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “ Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”;

[2] Về con chung: đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về tài sản chung: Không có không yêu cầu;

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: ông Phạm Văn Kh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14; Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Kh;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Văn Kh và bà Phạm Thị H là vợ chồng.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Ông Phạm Văn Kh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền ông Kh đã nộp theo biên lai số 0001271 ngày 08 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ S;;
- UBND xã Đ D
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

ĐÃ KÝ

Phạm Văn Quân

